

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 12/NQ CP và Kế hoạch này. Qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế; góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án đã đề ra tại các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng¹.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động, tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch này nhằm huy động, khai thác, quản lý, sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế.

3. Các cấp, các ngành, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực công tác được giao cụ thể hóa các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, giai đoạn của đơn vị mình; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình và giải pháp thực hiện trong quản lý, khai thác, sử dụng và phát

¹ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch hành động số 132/KH-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/3/2026 của Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 18/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình hành động 122/CTr-UBND ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

huy các nguồn lực của nền kinh tế; gắn với phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, xác định trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

4. Tăng cường công tác phối hợp thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí.

5. Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu đạt một số chỉ tiêu sau²:

a) Đối với nguồn nhân lực:

- Tốc độ tăng năng suất lao động (theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm;

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động đến năm 2030 giảm xuống còn dưới 15%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt trên 40,5%;

- Tỷ lệ thất nghiệp chung đến năm 2030 đạt dưới 1,5%;

- Chỉ số phát triển con người HDI đến năm 2030 đạt mức 0,79, phấn đấu đạt 0,8;

- Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đến năm 2030 đạt 76,8 tuổi; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 70 năm.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2030, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 1,56%;

- Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 100%;

- Lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030 giảm 15-35%;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030 đạt 100%;

- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030 đạt trên 70%.

c) Đối với nguồn tài lực

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt trên 1.100.000 (đạt 47-48% GRDP; trong đó vốn đầu tư công chiếm khoảng 22%);

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt khoảng 65.000 tỷ đồng;

² Các chỉ tiêu đã được đề ra tại các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

- Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 18-20% GRDP.

d) Đối với các nguồn lực quan trọng khác

- Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt 50%;

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2030 đạt khoảng 40-42% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số đến năm 2030 đạt khoảng 30% GRDP;

- Xếp hạng các chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số chuyển đổi số (DTI); Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); Chỉ số cải cách hành chính (Par Index); Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

a) Đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, bảo đảm phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển và kiến tạo động lực tăng trưởng mới, với mục tiêu huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực từ Nhà nước, xã hội và người dân cho phát triển kinh tế. Tăng cường đổi mới trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp gắn với chuyển đổi số, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của tổ chức, người dân.

b) Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả, năng động, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đổi mới lề lối, phương pháp, phong cách phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ công, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

c) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương hai cấp đi đôi với với bảo đảm đủ các điều kiện, nguồn lực và nhân lực vận hành hiệu quả. Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực,

hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng kiến tạo phát triển theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy.

đ) Đổi mới toàn diện công tác quy hoạch theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, bền vững, gắn kết giữa các ngành, các vùng, các cấp và giữa quy hoạch với kế hoạch phát triển. Xác định quy hoạch là công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

e) Rà soát, kiểm kê, đánh giá và cập nhật đầy đủ các nguồn lực của nền kinh tế; xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá, liên thông, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, làm căn cứ cho hoạch định chính sách và quản lý hiệu quả.

g) Khẩn trương xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng làm chậm đưa nguồn lực vào sử dụng, như: quy hoạch treo, dự án ách tắc thủ tục, đất công bỏ hoang, tài sản tranh chấp, vụ việc tồn đọng kéo dài... Phối hợp liên ngành hiệu quả, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực trên thực tế.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đối với từng nhóm nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực

- Tập trung thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông dữ liệu trong giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trường dạy nghề nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh. Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học, tổ chức lại mạng lưới trường lớp phù hợp quy mô dân số từng xã, phường. Giữ vững thành tích nhóm tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục mũi nhọn trong các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Khẩn trương, quyết liệt đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức số, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, coi trọng bồi dưỡng năng khiếu, thúc đẩy giáo dục STEAM.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, xu hướng hiện nay, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như: chip bán dẫn, khoa học dữ liệu, chuyển đổi năng lượng... có tiềm năng, lợi thế, tạo bút

phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Nghiên cứu thu hút thêm các Trường Đại học có uy tín thương hiệu, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển về tỉnh ở những vị trí, địa bàn phù hợp, tạo thành mạng lưới đào tạo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động. Tăng cường phối hợp đào tạo văn hóa bậc trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm. Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao; đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, đào tạo và giải quyết việc làm, tạo ra các mô hình gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động theo vùng, địa phương, các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; phát triển hệ thống y tế đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW.

- Có chính sách, cơ chế đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản lý và hoạt động khám, chữa bệnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị. Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, tầm quốc gia; hình thành, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại. Triển khai các dự án đầu tư xây dựng một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu.

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng và kỹ năng trong công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng; Chương trình chăm sóc sức khỏe học đường nhằm nâng cao trí lực, thể lực, tầm vóc, tuổi thọ người Việt Nam. Nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế từ cơ sở; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng và được khám sức khỏe miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trong các ngành then chốt, lĩnh vực mũi nhọn, đổi mới cơ chế tuyển dụng, trả lương gắn với năng suất, hiệu quả công việc; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực công và tư.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm thích ứng với già hoá dân số. Có chính sách hữu hiệu nâng tỉ lệ sinh thay thế lên mức thay thế bền vững, chú trọng nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân toàn diện, cải thiện tầm vóc, tuổi thọ, thể chất và đời sống tinh thần của Nhân dân. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh xã hội trên cơ sở kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số.

2.2. Đối với nguồn vật lực

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và thu hút đầu tư. Tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được điều chỉnh; định vị, cấu trúc lại không gian phát triển từng ngành, lĩnh vực cụ thể nhằm tạo động lực tăng trưởng, tăng thu ngân sách, phù hợp với đơn vị hành chính mới và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tận dụng hiệu quả không gian phát triển, đặc biệt hướng tới các mục tiêu chiến lược để xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương theo định hướng của tỉnh.

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông quan trọng có tính kết nối vùng, liên vùng, kết nối các khu du lịch trọng điểm, các khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng quốc gia, góp phần thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2030, hoàn thiện các công trình trọng điểm, nâng cấp quốc lộ, tỉnh lộ, phát triển vận tải thủy, xây dựng cảng cạn ICD kết nối khu công nghiệp, cảng và trung tâm logistics. Xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp hiện đại, đồng bộ, gắn với phát triển nhà ở và tiện ích. Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung; chỉnh trang đô thị; triển khai các dự án phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản làm mũi nhọn; đầu tư các dự án tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hóa và xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa. Khuyến khích đầu tư xã hội hóa bến xe, mở rộng mạng lưới vận tải.

- Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng của vùng Đồng bằng sông Hồng. Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí, điện; hydrogen, nhà máy điện. Ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, các dự án sản xuất hydrogen xanh,

amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác, hệ thống dự trữ năng lượng... Tập trung nghiên cứu, thu hút đầu tư phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghệ cao như điện khí, điện gió... tại các khu vực ven biển và các vùng có tiềm năng của tỉnh, nhằm bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đáp ứng yêu cầu của hệ thống điện quốc gia.

- Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Tăng cường kiểm tra, xử lý các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả, kiên quyết thu hồi các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, triển khai chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; tập trung triển khai hiệu quả trong các lĩnh vực tài nguyên - môi trường, năng lượng, đầu tư công, doanh nghiệp và phát triển hạ tầng. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của địa phương trong công tác điều hành, thu hút đầu tư, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 12/3/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước nhằm khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hóa và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh. Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn của nhà nước. Bảo toàn, phát triển và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư của nhà nước trong các doanh nghiệp; kiên quyết tái cơ cấu, xử lý dứt điểm các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước hoạt động kém hiệu quả, làm ăn thua lỗ. Đẩy mạnh củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Tăng cường hợp tác liên kết giữa các hợp tác xã; giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, tạo điều kiện để hợp tác xã tham gia các chuỗi cung ứng.

- Tạo điều kiện thuận lợi để khu vực kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 22 -KH/TU ngày 09/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và doanh nghiệp FDI, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, giám sát và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động của các doanh nghiệp. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác, xử lý nhà, đất của các doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về

đất đai, quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Ban hành các chính sách phù hợp, tạo môi trường thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, xây dựng, phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, quỹ đầu tư lớn.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để áp dụng các công cụ theo nguyên tắc kinh tế thị trường trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án nhất là các dự án trọng điểm. Rà soát, đánh giá và đề xuất cơ chế, chính sách huy động, sử dụng nguồn lực đất đai hiệu quả, bền vững hơn, nhất là cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất ở các địa phương. Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, nhất là nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, làng nghề và các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải bảo vệ môi trường.

Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng. Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí. Trình cấp có thẩm quyền thành lập và triển khai xây dựng Khu kinh tế tự do gắn với cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội; trở thành một trong những khu kinh tế mở, năng động, thân thiện với nhà đầu tư bậc nhất châu Á. Thực hiện có hiệu quả phương án phân bổ và sử dụng không gian biển; phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển; mở rộng khu kinh tế tự do thông qua lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với bảo tồn phục hồi, phát triển hệ sinh thái biển tại khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; từng bước chia sẻ cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, quản lý đề điều, quản lý công trình thủy lợi, nước

sạch nông thôn. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước... hướng tới phát triển bền vững. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật; từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh thăm dò, kiểm kê và đánh giá toàn diện về trữ lượng, khả năng tái tạo của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước, cát, đất, khoáng sản. Phấn đấu đến năm 2030 quản lý hoạt động khoáng sản bằng công nghệ số góp phần bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên, môi trường.

Bảo vệ và phát triển rừng nhằm duy trì ổn định diện tích rừng hiện có; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng ven biển; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các khu rừng; phát triển dịch vụ môi trường rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thu - chi ngân sách nhà nước. Tổ chức khai thác hiệu quả các nguồn thu, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; phấn đấu hoàn thành dự toán thu ở mức cao nhất, bảo đảm nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục triển khai cơ cấu lại nguồn thu ngân sách theo hướng đa dạng hóa và mở rộng cơ sở thu, tạo nguồn lực ổn định cho phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Tăng cường công tác dự báo, đánh giá tác động các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách. Đẩy nhanh tổng thu ngân sách thông qua thu hút đầu tư, phát triển sản xuất và mở rộng thu từ các hoạt động kinh doanh, đồng thời giảm tỷ trọng thu từ nguồn sử dụng đất. Bảo đảm đủ nguồn lực ngân sách để đầu tư phát triển, cải thiện phúc lợi và an sinh xã hội.

- Thực hiện rà soát và kiểm tra chặt chẽ các dự án sử dụng đất để thu đúng, thu đủ các khoản nghĩa vụ tài chính. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý chặt chẽ kê khai thuế và hỗ trợ công tác hoàn thuế giá trị gia tăng. Tăng cường giám sát kê khai thuế, đặc biệt đối với các giao dịch rủi ro trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số. Triển khai các giải pháp đồng bộ về thu hồi nợ, kiên quyết cưỡng chế các khoản nợ thuế kéo dài, đặc biệt là nợ liên quan đến đất đai và khai thác khoáng sản.

- Tập trung nguồn lực đầu tư công để hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, giao thông, công nghệ, chuyển đổi số, nông thôn và đô thị theo hướng hiện đại.

- Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống lãng phí; rà soát các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm sử dụng ngân sách tập trung, hiệu quả. Chủ động cắt giảm các khoản chi thường

xuân và những nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, hướng tới sử dụng hiệu quả ngân sách, tập trung nguồn lực vào các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và cải thiện phúc lợi cho người dân. Đảm bảo các khoản nợ đến hạn của ngân sách địa phương được thanh toán đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo các chỉ tiêu nợ vay không vượt mức quy định của Quốc hội và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ ban hành mới các cơ chế, chính sách chi ngân sách nhà nước khi có nguồn tài chính bảo đảm, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Tiến hành rà soát, sắp xếp và xử lý hiệu quả các tài sản công, đặc biệt là cơ sở nhà, đất thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đảm bảo tài sản công được sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý và phát huy tối đa giá trị, góp phần hỗ trợ hoạt động công vụ và phục vụ lợi ích chung của cộng đồng.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực tài chính khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc cơ cấu lại đầu tư công; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các dự án quan trọng, công trình trọng điểm; tăng cường theo dõi, giám sát, kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, thực chất, đồng bộ, đột phá, có trọng tâm, trọng điểm và tầm nhìn dài hạn; gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI), nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về dịch vụ hành chính công qua đó tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực; chú trọng củng cố mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp theo phương châm “Chính quyền đồng hành, cầu thị, lắng nghe, tháo gỡ thực chất các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp”. Tăng cường phối hợp, liên kết giữa cấp tỉnh với cấp xã, giữa các địa phương, khu vực, giữa các cơ quan nhà nước với các hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp; xây dựng mối liên kết giữa khu vực đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm tạo sự lan tỏa, tăng cường kết nối chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tăng cường công tác quản lý trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống. Nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị và chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống, ổn định và phát triển bền vững hoạt động ngân hàng; mở rộng triển khai các sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô và tín dụng khởi nghiệp.

- Thu hút đầu tư có chọn lọc, sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI và ODA; ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển hạ tầng và chuỗi giá trị nội địa; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tập trung tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm đủ điện,

nước, lao động cho các dự án đầu tư. Nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư quốc tế, thu hút các tập đoàn lớn từ Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu... Cam kết đồng hành với nhà đầu tư, lắng nghe và trân trọng ý kiến đóng góp, tạo sự gắn kết và tin tưởng. Quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của người dân, đặc biệt trong công tác đền bù, tái định cư để thúc đẩy đầu tư.

3. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới tạo đột phá cho phát triển

3.1. Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch số 386-KH/TU ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu số, hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ hành chính công trực tuyến, giảm hồ sơ giấy, tăng cường giao tiếp qua mạng.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, trọng tâm là quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, giáo dục, đào tạo, y tế, tài nguyên - môi trường, nông nghiệp, quốc phòng, an ninh... nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phòng, chống lãng phí, góp phần nuôi dưỡng và làm giàu nguồn lực cho phát triển bền vững. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học - công nghệ, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu sản phẩm đặc trưng như nhãn lồng, gôm sứ, dệt may, góp phần nâng cao vị trí và giá trị sản phẩm của Hưng Yên trên thị trường.

- Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh mới gắn với ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, blockchain, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh; gắn với chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng và triển khai các chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao. Phát triển, vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hưng Yên phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn 2026-2030.

3.2. Nguồn lực văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược quốc gia

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Kế hoạch số 52 - KH/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW. Rà soát toàn bộ hiện trạng văn hóa trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy văn hóa trở thành nguồn lực trực tiếp cho phát triển; làm cơ sở thực tiễn để triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025- 2035 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Xây dựng và triển khai các chính sách đột phá, hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, bảo tồn và phát huy di sản và khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo trong nghệ thuật, thiết kế, sản xuất nội dung số. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Tăng cường công tác bảo tồn và phát triển văn hóa gắn với du lịch bền vững, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, tạo ra sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng. Khẩn trương lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hóa, danh lam thắng cảnh, trong đó ưu tiên các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh. Xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao của tỉnh tầm vóc quốc gia (sân vận động, tái hiện Phố Hiến cổ...). Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển không gian văn hóa đặc thù và đô thị di sản. Khuyến khích phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp kết hợp tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

3.3. Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược thương hiệu quốc gia; xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng, phát triển thương hiệu của tỉnh, từng bước tham gia và đóng góp vào thương hiệu quốc gia, gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc. Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu; ưu tiên các sản phẩm có lợi thế quốc gia, tiềm năng xuất khẩu và giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

- Phối hợp xây dựng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp; tập trung hình thành các doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp toàn cầu thông qua các cụm liên kết ngành, chuỗi cung ứng, khu công nghiệp và khu công nghệ hỗ trợ.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm; tăng cường liên kết giữa Hưng Yên với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trọng tâm là thị trường Hà Nội và các tỉnh lân cận. Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA); tiếp tục hiện đại hóa công tác hướng dẫn, phổ biến quy tắc xuất xứ và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế thông qua các nền tảng số, nhằm nâng cao giá trị và vị thế các sản phẩm thế mạnh của tỉnh trên thị trường toàn cầu. Hỗ trợ hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài và văn phòng đại diện của các tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung đề ra tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động có trách nhiệm cụ thể hóa các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, giai đoạn của đơn vị mình; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ; tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện theo quy định; kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên, các cơ quan thông tấn, báo chí và các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh tổ chức thông tin, phổ biến, tuyên truyền Kế hoạch này.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 12;
- Thuế tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy